

# ĐÀO TẠO THẠC SĨ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG, QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Trần Thị Mỹ Diệu

## I. Nhu cầu của xã hội

Theo một khảo sát về nhu cầu nhân lực ngành Tài nguyên – Môi trường, “Hiện nay, tỷ lệ cán bộ Tài nguyên – Môi trường của nước ta mới đạt 13 người/1 triệu dân; trong khi ở các nước láng giềng, tỷ lệ này cao hơn đáng kể (Trung Quốc 20 người, Thái Lan 30 người, Campuchia 55 người và Singapore là 330 người/1 triệu dân)<sup>2</sup>”. Như vậy, nhu cầu nhân lực cần bổ sung cho ngành vẫn rất cao, lên đến 45.000 người trong thời gian sắp tới. Hiện nay, toàn quốc đã có 223 khu công nghiệp, 12 tập đoàn kinh tế nhà nước và hàng chục Tổng công ty nhà nước, hầu hết đều đang rất cần nhân sự chuyên trách về Tài nguyên - Môi trường, theo kết quả khảo sát, khối doanh nghiệp hiện cần khoảng 30.000 cán bộ chuyên về Môi trường. Với tốc độ phát triển cao ở các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và đồng bằng sông Cửu Long, nhu cầu về chuyên gia môi trường không ngừng gia tăng cả về số lượng và chất lượng. Ước tính về số lượng, nhu cầu hàng năm khoảng 400 - 500 kỹ sư và trên kỹ sư. Chỉ riêng các nhà máy mới xây dựng (khoảng 100 - 150 nhà máy/năm) và hàng chục dự án môi trường (trong nước và

quốc tế) của khu vực đã cần 300 - 350 kỹ sư môi trường/năm<sup>3</sup> (theo tác giả Nguyễn Trung Việt, 2010).

Với xu hướng phát triển nhanh, Việt Nam đã, đang và sẽ thực hiện nhiều chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo khoa học kỹ thuật, đặc biệt đối với các chương trình triển khai công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, xử lý rác, xử lý khí thải... yêu cầu trình độ công nghệ cao, đòi hỏi chúng ta phải chuẩn bị để đáp ứng được và đủ nguồn nhân lực bậc cao. Do đó, trong Hội nghị toàn quốc về đào tạo nhân lực theo nhu cầu ngành Tài nguyên - Môi trường diễn ra ngày 6/12/2010, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường, Phạm Khôi Nguyên nhấn mạnh: “Phát triển nguồn nhân lực được coi là giải pháp có tính chất quyết định thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành Tài nguyên – Môi trường”.

Trong những năm tới, cùng với việc phát triển kinh tế đất nước, sự phát triển khoa học, kỹ thuật công nghệ phục vụ công tác bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu, nhu cầu nhân lực về

<sup>2</sup> Anh Phương, “Tỷ lệ cán bộ ngành Tài nguyên – Môi trường: 13 người/1 triệu dân”, báo Sài Gòn Giải Phóng, 6/12/2010.

<sup>3</sup> Nguyễn Trung Việt, Chiến lược phát triển khoa CN&QL Môi trường, giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030”, 2010.

Công nghệ Môi trường sẽ tăng cao. Theo đề án *Phát triển nguồn nhân lực ngành Tài nguyên - Môi trường giai đoạn 2011-2015* và định hướng đến năm 2020 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, trong giai đoạn sắp tới sẽ ưu tiên đào tạo 800 - 1000 thạc sĩ thuộc chuyên ngành này. Vấn đề cần lưu ý là nhu cầu về chuyên gia sẽ chuyển dịch rất mạnh từ số lượng sang chất lượng trong thời gian tới, khi số lượng chuyên gia do các trường đại học cung cấp bắt đầu bão hòa, trình độ phát triển xã hội và yêu cầu chất lượng cuộc sống ngày càng cao.<sup>4</sup>

## II. Điều kiện để được xem xét, cấp phép đào tạo trình độ thạc sĩ

Theo Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT do Bộ trưởng Phạm Vũ Luận ký ngày 22/12/2010, 8 điều kiện cần bảo đảm để xem xét cấp phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ được tóm tắt như sau:

1. Đã đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy ngành tương ứng với ngành hoặc chuyên ngành để nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ và có ít nhất 2 khóa sinh viên đã tốt nghiệp;

2. Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo cũng như các quy định pháp luật liên quan trong 3 năm tính từ ngày cơ sở đào tạo để nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ;

3. Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng,

đảm bảo về chất lượng, cụ thể như sau:

- Giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên tham gia giảng dạy **ít nhất 70%** chương trình đào tạo. Đối với phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, giảng viên tham gia giảng dạy lý thuyết phải có trình độ tiến sĩ;

- Có ít nhất **5 giảng viên cơ hữu** có bằng tiến sĩ cùng ngành để nghị cho phép đào tạo, trong đó có ít nhất 3 giảng viên cùng chuyên ngành.

4. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành hoặc chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ, cụ thể:

- Có đủ phòng học, **phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm** với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của ngành hoặc chuyên ngành để nghị cho phép đào tạo;

- **Thư viện có phòng tra cứu thông tin** cung cấp các nguồn thông tin tư liệu (sách, giáo trình và tạp chí trong và ngoài nước) **được xuất bản trong 5 năm trở lại đây**, đáp ứng yêu cầu dạy, học các học phần trong chương trình đào tạo và thực hiện đề tài luận văn;

- Có **website** của cơ sở đào tạo được cập nhật thường xuyên, công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, công khai thu chi tài chính.

5. Cơ sở đào tạo có năng lực, kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học ở

<sup>3</sup> Nguyễn Trung Việt, tài liệu đã dẫn.

lĩnh vực của ngành hoặc chuyên ngành để nghị cho phép đào tạo; các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ **đã và đang chủ trì các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở ngành hoặc chuyên ngành để nghị cho phép đào tạo. Mỗi giảng viên là tiến sĩ có ít nhất 3 công trình khoa học** được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định **trong 5 năm trở lại đây** tính đến ngày cơ sở đào tạo để nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

6. Có chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

7. Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ; đã xây dựng quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo.

8. Ngành hoặc chuyên ngành để nghị cho phép đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực và quốc gia.

### **III. Định hướng chiến lược, công tác chuẩn bị và thực lực của khoa công nghệ và quản lý môi trường**

Bốn hoạt động được chú trọng thực hiện từ khi thành lập đến nay của Khoa là: (1) Đào tạo đội ngũ cán bộ, (2) Xây dựng

cơ sở vật chất, (3) Thực hiện nghiên cứu khoa học và (4) Duy trì quan hệ hợp tác quốc tế.

#### **1. Đào tạo đội ngũ cán bộ**

Nếu cách đây 17 năm, các giảng viên cơ hữu của Khoa CN&QL Môi trường chỉ là những kỹ sư, cử nhân từ nhiều ngành khoa học khác nhau, ngày hôm nay, tất cả chúng tôi đã hoàn tất chương trình đào tạo sau đại học ở nước ngoài. Từ năm 1998 đến nay (2012), Khoa đã có 5 giảng viên hoàn tất chương trình tiến sĩ về Công nghệ Môi trường và Khoa học Môi trường tại ĐH Wageningen (Hà Lan); 9 giảng viên hoàn tất chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Môi trường, Khoa học Môi trường và Công nghệ Sinh học tại Viện Công nghệ Châu Á (Thái Lan) và ĐH Wageningen. Hiện tại, 2 giảng viên đang tham gia chương trình nghiên cứu sinh tại ĐH Wageningen và Viện Khoa học Ứng dụng Quốc gia (INSA - Toulouse) (Pháp); 3 giảng viên trẻ đang hoàn tất chương trình đào tạo thạc sĩ trong và ngoài nước.

Bên cạnh các chương trình đào tạo dài hạn, những năm qua, giảng viên của Khoa đã tham gia 27 khóa đào tạo ngắn hạn, tham quan thực tế trao đổi kinh nghiệm, tham dự trên 90 hội thảo chuyên ngành ở nhiều nước trên thế giới để cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn.

#### **2. Xây dựng cơ sở vật chất**

Phòng thí nghiệm Khoa Công nghệ & Quản lý Môi trường được xây dựng từ

năm 1997, phục vụ cho mục tiêu đào tạo, giúp sinh viên tiếp cận các nguyên lý tiên tiến nhất, phù hợp với thực tiễn ngành Môi trường, ngành học đang trở nên cấp bách do tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh chóng của Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh trong khu vực. Dù trang thiết bị chưa phải là hiện đại nhất, dù chưa có những máy móc đắt tiền, song tại đây, 13 khóa sinh viên đã ra trường và cả các khóa sinh viên đang theo học đã, đang được tiếp cận với những nguyên lý hiện đại nhất và luyện tập những kỹ năng trong thực hành của ngành học. Tại đây, những đề tài nghiên cứu ứng dụng sát thực với đời sống; những đề tài nghiên cứu cơ bản chuyên sâu đã được thực hiện và mở ra nhiều hướng đi mới về công nghệ môi trường. Nhiều kết quả thí nghiệm đã được nâng lên thành cơ sở lý thuyết.

Thư viện Khoa đặt tại phòng B304, 45 Nguyễn Khắc Nhu, Q.1, là nơi lưu trữ nguồn tư liệu tra cứu quan trọng cho sinh viên Khoa CN&QL Môi trường. Từ trần trở của các thầy cô về cơ sở học liệu vốn thiếu thốn lúc bấy giờ (1997) và mong muốn sinh viên có cơ hội tiếp cận kiến thức chuyên ngành đương đại, mỗi thầy cô như một "chú kiến" đã cần mẫn thu thập tài liệu học tập trong và ngoài nước, hệ thống hóa và liên tục cập nhật. Đến nay, thư viện đã có hơn 700 đầu sách gồm nhiều lĩnh vực: khoa học cơ bản, khoa học chuyên ngành, tài liệu tham khảo phục vụ học tập và nghiên cứu tại khoa. Ngoài ra, thư viện còn có khoảng 70 đĩa CD, DVD lưu trữ nhiều tư liệu quý về công nghệ xử

lý chất thải mới nhất, về thiết bị chuyên ngành, năng lượng thay thế, biến đổi khí hậu, xây dựng xanh, đô thị sinh thái, sinh thái công nghiệp... Thư viện cũng là nơi lưu trữ các khóa luận, đồ án đạt loại giỏi, xuất sắc và các công trình nghiên cứu của thầy cô và sinh viên.

### 3. Nghiên cứu khoa học

15 năm qua, các giảng viên của Khoa đã chủ trì thực hiện hơn 70 đề tài nghiên cứu khoa học trong nước. Các đề tài nghiên cứu đều phục vụ giải quyết những vấn đề môi trường bức thiết tại địa phương. Các công trình nghiên cứu tập trung vào: (1) Công nghệ xử lý nước thải (nước thải cao su, nước thải tinh bột mì, nước thải dệt nhuộm, nước thải chế biến thủy sản, nước thải chế biến đường, nước thải sản xuất thuốc, nước thải bệnh viện, nước rỉ rác, nước thải khu công nghiệp, nước thải chứa kim loại nặng, nước thải chứa hợp chất hữu cơ khó phân hủy sinh học, nước thải nuôi tôm, nước thải sinh hoạt,...); (2) Công nghệ tái chế chất thải rắn (công nghệ chế biến compost, thu hồi khí biogas từ chất thải rắn sinh hoạt, tái sử dụng bùn,...); (3) Quản lý chất thải rắn đô thị (quản lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải công nghiệp nguy hại, quản lý chất thải rắn y tế, quản lý bùn nạo vét kênh rạch, bùn cống rãnh và bùn hầm cầu); (4) Quản lý khu công nghiệp (khu công nghiệp sinh thái, đô thị công nghiệp sinh thái và đô thị sinh thái); (5) Các nghiên cứu cơ sở (cơ sở xây dựng hướng dẫn lập báo cáo đánh giá tác động môi

trường cho các dự án bãi chôn lấp, cơ sở xây dựng hướng dẫn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án kho xăng dầu, cơ sở khoa học xác định chi phí xử lý chất thải công nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm từ bãi chôn lấp cũ,...); (6) Chính sách quản lý Môi trường và các vấn đề về quy hoạch trong quản lý chất thải (chính sách thúc đẩy ứng dụng mô hình khu công nghiệp sinh thái, phân loại chất thải rắn tại nguồn, quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn,...) và (7) Biến đổi khí hậu (đánh giá khả năng sinh khí và tái sinh năng lượng từ bãi rác, nâng cao hiệu quả sản xuất khí sinh học và ổn định dòng khí đầu vào máy phát điện,...).

Bên cạnh việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học trong nước, một yếu tố quyết định đến năng lực chuyên môn của các giảng viên là nhờ việc hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

- 25 đề tài nghiên cứu khoa học ngang tầm với các nước trong khu vực châu Á và châu Âu được thực hiện những năm qua là "lò luyện" các giảng viên trở thành chuyên gia Môi trường của Việt Nam ngày nay.

- 9 đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công nghệ xử lý nước thải, phát triển công nghiệp bền vững, hệ thống thoát nước, quản lý chất thải đô thị và công nghiệp, tái sử dụng chất thải hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học,... đã được thực hiện cùng với nhiều trường đại học, trung tâm và viện nghiên cứu của các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ La

tin và châu Âu.

- 9 đề tài nghiên cứu là luận văn thạc sĩ của các giảng viên tốt nghiệp từ Viện Công nghệ Châu Á – AIT (Thái Lan) và ĐH Wageningen (Hà Lan).

- 7 đề tài nghiên cứu là luận án tiến sĩ của các giảng viên đã tốt nghiệp (5 giảng viên) và đang thực hiện (2 giảng viên) chương trình nghiên cứu sinh tại Hà Lan và Pháp.

Các đề tài nghiên cứu khoa học đều bắt nguồn từ nhu cầu thực tế của Việt Nam và kết quả các nghiên cứu này không những đóng góp về mặt khoa học trong lĩnh vực môi trường mà còn được áp dụng để giải quyết các vấn đề thực tế của Tp. Hồ Chí Minh, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và đồng bằng sông Cửu Long.

#### **4. Hợp tác trong nước và quốc tế**

Thành tựu của 15 năm qua, đặc biệt sự thành công trong đào tạo nguồn nhân lực (con người), một trong ba yếu tố quyết định sự thành công chương trình và kế hoạch của khoa CN&QL Môi trường, sẽ khó đạt được nếu không có sự hợp tác trong nước và quốc tế. Những năm qua, Khoa đã thực hiện nhiều dự án hợp tác quốc tế về đào tạo, tập huấn và nghiên cứu khoa học với các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu của các nước Hà Lan, Đức, Thụy Điển, Phần Lan, Mỹ, Úc, Thái Lan,... Ngoài ra, Khoa còn trao đổi cán bộ giảng dạy – sinh viên và hợp tác nghiên cứu khoa học với các trường ĐH California Berkely (Mỹ) năm 1998; ĐH

Bauhaus Weirna (Đức) từ 1999 - 2001; ĐH Chulalongkorn (Thái Lan) từ 1999 - 2001; Viện công nghệ Hoàng Gia Melbourn (Royal Melbourn Institute of Technology - RMIT (Úc)) năm 1997; Hiệp hội Môi trường Mỹ Á (US AEP) từ 1999 - 2001.

Nhìn lại chặng đường 15 năm (1995 - 2010), không thỏa mãn với thành tích đã đạt được, mong muốn phát triển Khoa có định hướng để thế hệ sau kế thừa và phát triển thành quả của thế hệ đi trước, khoa CN&QL Môi trường đã điều chỉnh và bổ sung “Chiến lược phát triển khoa CN&QL Môi trường, giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030”, mục tiêu nâng cao hơn nữa chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu, đổi mới và hiện đại hóa chương trình, phương pháp giảng dạy, trang thiết bị thí nghiệm, tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, mở rộng hợp tác quốc tế, áp dụng thành tựu khoa học vào thực tế, đưa chất lượng đào tạo của Khoa ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực châu Á và mặt nào đó có thể sánh vai với các nước phát triển trên thế giới. Trong 9 mục tiêu và nội dung phát triển Khoa CN&QL Môi trường do TS. Nguyễn Trung Việt xây dựng, mục tiêu số 3 chính là “xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ”, cụ thể chuẩn bị hồ sơ năm 2010 - 2011 và triển khai thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ từ năm 2012.

Hiện nay, đội ngũ giảng viên của khoa 100% được đào tạo đúng chuyên ngành tại các nước phát triển như Hà Lan, Pháp,

Úc; có hơn 15 năm kinh nghiệm giảng dạy bậc đại học tại trường, kinh nghiệm giảng dạy thính giảng bậc cao học tại các trường đại học và viện nghiên cứu khác, cùng kinh nghiệm từ hàng loạt chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, tư vấn nâng cao năng lực ngành môi trường chính là cơ sở để Khoa CN&QL Môi trường trường ĐH Văn Lang hội đủ điều kiện cần thiết phát triển chương trình đào tạo sau đại học, văn bằng thạc sĩ ngành Công nghệ Môi trường.

#### **IV. Giới thiệu sơ lược về chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành công nghệ môi trường**

Chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Môi trường nhằm đào tạo những chuyên gia nắm vững kiến thức chuyên môn về Công nghệ Môi trường, là đội ngũ kế thừa cho các đơn vị quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, là lực lượng nòng cốt trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đặc điểm chính của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Môi trường trường ĐH Văn Lang:

- Chương trình thiết kế có xem xét nền tảng kiến thức bậc kỹ sư môi trường, tham khảo, kế thừa kinh nghiệm đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Môi trường của ĐH Wageningen (Hà Lan) và Viện Công nghệ Châu Á - AIT (Thái Lan);

- Hoạt động nghiên cứu khoa học và kết quả nghiên cứu khoa học lồng ghép trong nội dung giảng dạy và thực hiện

luận văn tốt nghiệp của học viên;

- Kiến thức mới được cập nhật liên tục thông qua hoạt động trao đổi học thuật dưới hình thức e-conference với các trường đại học trên thế giới;

- Ứng dụng Công nghệ Thông tin, tạo điều kiện cho học viên tiếp cận nội dung giảng dạy tại lớp, tại nhà và sắp xếp thời gian học tập phù hợp với điều kiện của học viên và giảng viên;

- Chương trình tạo cơ hội và hỗ trợ cho học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp tại các viện nghiên cứu, trường đại học ở Singapore, Thái Lan, Hà Lan.

#### **Học viên sau khi tốt nghiệp:**

- Có kiến thức chuyên môn sâu về Công nghệ Môi trường, kỹ năng thực hiện tốt công việc chuyên môn về Công nghệ Môi trường;

- Khả năng giảng dạy lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực Kỹ thuật/Công nghệ Môi trường ở các bậc học;

- Khả năng giải quyết độc lập và nhận định khoa học các vấn đề môi trường cũng như đề xuất giải pháp công nghệ môi trường hợp lý;

- Có nền tảng kiến thức vững chắc và khả năng nghiên cứu khoa học, có thể tiếp tục nghiên cứu trình độ cao hơn hoặc thực hiện nghiên cứu khoa học ở các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm Môi trường;

- Làm việc ở vị trí then chốt trong lĩnh vực Kỹ thuật Môi trường ở các doanh

nh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Có đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng.

#### **Lời kết**

Chương trình đào tạo thạc sĩ của Khoa CN&QL Môi trường được xây dựng nhằm mục tiêu: *“Tham gia vào hoạt động xã hội hóa giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội trong quá trình tìm kiếm và thực thi các giải pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Chương trình còn tạo cơ hội hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước trong lĩnh vực giáo dục đào tạo sau đại học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động trực tiếp và chuẩn bị một lực lượng có trình độ đào tạo kế tiếp đối với ngành môi trường. Đây sẽ là lực lượng tham gia vào quá trình nâng cao chất lượng lao động trong cơ cấu phát triển nhân lực chung của xã hội”*<sup>5</sup>. Đây là thành quả của hơn 15 năm tận tụy đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế của những người thầy có tâm huyết với nghề và của một tập thể đoàn kết cùng chí hướng xây dựng Khoa luôn phát triển.

**TS. Trần Thị Mỹ Diệu**

**Trưởng khoa CN&QL Môi trường**

<sup>5</sup>. *Kỷ yếu Khoa CN&QL Môi trường 15 năm, ước mơ, thành tựu và ước mơ, 2010.*